

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/DS-ST
Ngày: 30/3/2022
V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự về hội.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung.

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Trọng Điền;
- Ông Nguyễn Thanh Phương.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thảo, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thoa, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về hội*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị H, sinh năm 1981, nơi cư trú: số 135, tổ 10, khóm T, phường N, thành phố K, tỉnh An Giang.

Bi đơn: Bà Nguyễn Thị Út C, sinh năm 1987 và ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1982, cùng cư trú: tổ 08, khóm V, phường N, thành phố K, tỉnh An Giang.

(Bà H, có mặt; bà C, ông G, vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ngô Thị H trình bày: Bà H có tham gia các dây hội do bà Nguyễn Thị Út C làm chủ, với tên “CHỊ MUM”, cụ thể như sau:

- Dây hội thứ nhất: hội 2.000.000đồng/tháng, mở ngày 09/4/2020 âm lịch, gồm 24 phần, bà H tham gia 01 phần, đóng hội sống được 13 lần với số tiền là 17.700.000đồng.

- Dây hội thứ hai: hội 2.000.000đồng/tháng, mở ngày 18/6/2020 âm lịch, gồm 20 phần, bà H tham gia 01 phần, đóng hội sống được 11 lần với số tiền là 13.100.000đồng.

- Dây hội thứ ba: hội 2.000.000đồng, mở ngày 15/01/2021 âm lịch, nửa tháng khai 01 lần vào ngày 15 và 30 hàng tháng, gồm có 21 phần, bà H tham gia 01 phần, đóng hội sống được 07 lần với số tiền 9.000.000đồng.

- Dây hội thứ tư: hội 500.000đồng mở ngày 08/12/2020 âm lịch, một tháng mở 03 lần vào ngày 08; 18; 28 hàng tháng, gồm 50 phần, bà H tham gia 02 phần, đóng hội sống được 14 lần với số tiền 10.200.000đồng.

Đến tháng 4/2021, bà C ngưng mở hội đối với các dây hội này. Tổng số tiền hội mà bà C nợ lại của bà đối với các dây hội trên là 50.000.000đồng. Bà yêu cầu ông G và bà Út C phải có trách nhiệm liên đới trả ngay một lần cho bà số tiền nợ hội 50.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: 04 danh sách hội (bản chính).

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Út C trình bày: Bà H có tham gia hội do bà làm chủ hội theo các dây hội như bà H trình bày, thống nhất có nhận và còn nợ hội của bà H 50.000.000đồng. Ông Nguyễn Văn G (chồng bà C) chỉ biết bà làm chủ hội nhưng không biết cụ thể người chơi hội là ai, số tiền chơi hội là bao nhiêu. Vì vậy, bà không đồng ý đối với yêu cầu buộc ông G liên đới trả số tiền nợ hội 50.000.000đồng. Bà nhận trách nhiệm cá nhân trả nợ cho bà H số tiền 50.000.000đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn, xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi hết số tiền còn nợ.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn G trình bày: Ông và bà C kết hôn từ năm 2002, có 02 con nhỏ, hiện đang sống chung tại tổ 08, khóm V, phường N, thành phố K, tỉnh An Giang, chi tiêu hàng tháng trong gia đình khoảng 4.500.000đồng, thu nhập bình quân của ông một tháng cao nhất là 3.000.000đồng. Công việc của bà C là mua bán rau cải ngoài chợ, ngoài ra bà C còn làm chủ các dây hội. Bà C và bà H tự thỏa thuận chơi hội với nhau, ông không tham gia nên không đồng ý cùng bà C có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ hội là 50.000.000đồng cho bà H.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà C, ông G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thuộc trường hợp Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà C, ông G.

Về việc giải quyết vụ án: Từ ngày 09/4/2020 âm lịch đến ngày 15/01/2021 âm lịch, bà H tham gia 04 dây hui do bà C làm chủ. Bà chín tự ý ngưng hui và còn nợ lại bà H 50.000.000đồng. Hợp đồng hui giữa bà H với bà C được xác lập trên cơ sở tự nguyện và được thể hiện qua các giấy hui và bà C thừa nhận còn nợ tiền hui của bà H. Cho nên, bà H khởi kiện yêu cầu bà C trả số nợ hui là phù hợp.

Theo đơn khởi kiện, bà H yêu cầu bà C, ông G cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ hui 50.000.000đồng. Mặc dù, bà C là người trực tiếp thỏa thuận hui với bà H nhưng quá trình chuẩn bị xét xử, bà C, ông G cùng có lời khai thống nhất thu nhập của ông G không đủ chi cho nhu cầu chi tiêu hàng tháng của gia đình như: ăn uống, tiền học hành của các con và các chi phí sinh hoạt khác; bà C sử dụng tiền mua bán rau cải và hoa hồng kiếm được từ việc làm chủ hui để bù đắp vào những khoản thiếu hụt, có thêm thu nhập chăm lo cuộc sống của gia đình. Bên cạnh đó, số nợ hui được xác lập trong thời kỳ hôn nhân giữa bà C với ông G đang tồn tại. Vì vậy, có đủ cơ sở xác định việc và C làm chủ hui hưởng hoa hồng là để có thêm thu nhập nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, bà H yêu cầu ông G cùng có trách nhiệm liên đới với bà C trả số tiền nợ hui là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Bà C thừa nhận có nợ bà H 50.000.000đồng và yêu cầu trả dần mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi dứt nợ nhưng không được bà H đồng ý nên không có cơ sở xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Ch Phủ về họ, hui, biêu, phường; các Điều 351, 471 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H; buộc bà C, ông G cùng có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Ngô Thị H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Út C, ông Nguyễn Văn G trả nợ hui. Bà C, ông G đang cư trú trên địa bàn thành phố K nên yêu cầu khởi kiện của bà H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Tại phiên toà hôm nay, bị đơn bà C, ông G vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; đồng thời, trước đó bà C,

ông G đã có lời khai trực tiếp với Tòa án. Xét thấy, việc vắng mặt của bà C, ông G không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà C, ông G theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

** Về nội dung:*

[2] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:

Nguyên đơn bà Ngô Thị H cho rằng, bà có tham gia 04 dây hụi do bà C làm chủ với tên “CHỊ MUM” gồm: Dây hụi 2.000.000đồng mở ngày 09/4/2020 bà H tham gia 01 phần, bà đóng hụi sống được 13 lần với số tiền là 17.700.000 đồng; dây hụi 2.000.000đồng mở ngày 18/6/2020 âm lịch bà H tham gia 01 phần, bà đóng hụi sống được 11 lần với số tiền là 13.100.000đồng; dây hụi 2.000.000đồng mở ngày 15/01/2021 âm lịch, bà H tham gia 01 phần, bà đóng hụi sống được 7 lần với số tiền 9.000.000đồng và dây hụi 500.000đồng mở ngày 08/12/2020 âm lịch, bà H tham gia 02 phần, bà đóng hụi sống được 14 lần với số tiền 10.200.000đồng.

Bà C thừa nhận có làm chủ 04 dây hụi, bà H có tham gia 04 dây hụi như bà H trình bày. Bà C thừa nhận còn nợ bà H số tiền hụi tổng cộng 50.000.000đồng. Vì vậy, có cơ sở xác định bà H có tham gia 04 dây hụi đang tranh chấp do bà C làm chủ và bà C còn nợ lại bà H số tiền vốn 50.000.000đồng.

[3] Về trách nhiệm trả nợ hụi:

Qua các biên bản ghi nhận lời khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, bà C, ông G cùng có lời xác định nguồn thu nhập của bà C chủ yếu từ việc mua bán rau cải và làm chủ hụi; ông G và bà C kết hôn từ năm 2002, gia đình có 02 con nhỏ, chi tiêu hàng tháng trong gia đình khoảng 4.500.000đồng, thu nhập bình quân của ông G một tháng cao nhất là 3.000.000đồng. Tại Biên bản ghi nhận lời khai ngày 21/02/2022 ông G xác nhận “...*Những ngày tôi đi làm xa và những ngày tôi không đi làm, không tạo ra thu nhập gì thì bà C là người trực tiếp bỏ tiền, chi phí chăm lo ăn uống, học hành cho các con*”. Ông G xác định, thu nhập của ông không đủ cho các chi tiêu hàng tháng của gia đình như: ăn uống, tiền học hành của các con, chi phí sinh hoạt,...bà C sử dụng số tiền hoa hồng kiếm được khi làm chủ hụi để bù đắp vào những khoản thiếu hụt từ nguồn thu nhập không ổn định của ông G. Khi bà C tuyên bố bế hụi, vợ chồng có bán một số tài sản trong gia đình để trả tiền hụi cho các hụi viên.

Tại Biên bản lời khai ngày 21/01/2022 và Biên bản đối chất ngày 03/3/2022, bà C đều xác nhận nguồn thu nhập từ việc mua bán rau cải và làm chủ hụi được sử dụng để phục vụ nhu cầu thiết yếu của cuộc sống gia đình, chăm lo điều kiện ăn học cho các con. Như vậy, chi tiêu hàng tháng của gia đình bà C, ông G những khi ông G không đi làm và những khi thiếu hụt đều do bà C bù vào từ tiền mua bán rau cải và làm chủ hụi. Căn cứ khoản 2 Điều 27 và khoản 3 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 thì vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết

yếu của gia đình. Vì vậy, có đủ cơ sở xác định việc bà C làm chủ hộ là để có thêm thu nhập chăm lo phục vụ cho các nhu cầu thiết yếu của gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà H, buộc ông G, bà C cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ hộ 50.000.000đồng cho bà H theo quy định tại các Điều 466 và 471 Bộ luật Dân sự 2015.

Do bà H không yêu cầu trả lãi chậm thanh toán, có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[4] Về phương thức thanh toán:

Bà C yêu cầu được trả dần mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi dứt nợ nhưng không được bà H chấp nhận. Cho nên, phương thức thanh toán sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà C, ông G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho bà H là 2.500.000đồng.

Bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí 1.250.000đồng mà bà H đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 466, 471 Bộ luật Dân sự 2015;
- Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;
- Các Điều 147, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị Út C và ông Nguyễn Văn G cùng có trách nhiệm trả cho bà Ngô Thị H số nợ hộ 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Út C và ông Nguyễn Văn G phải chịu 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Ngô Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Ngô Thị H số tiền tạm ứng án phí 1.250.000 đồng mà bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001928 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K cấp ngày 17 tháng 01 năm 2022.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Ngô Thị H có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Út C, ông Nguyễn Văn G được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. K (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.K (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phí Thị Phương Nhung